

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/DS-ST

Ngày: 28/9/2017

V/v “Tranh chấp ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Tòng.
2. Ông Lê Văn Phước.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2017/TLST-DS ngày 30/8/2017, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 06/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị D, sinh năm 1975.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phạm Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2017, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị D trình bày:

Chị D và anh H tìm hiểu quen biết khoảng 01 năm thì quyết định chung sống vợ chồng từ năm 1993 nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi gây gổ, anh H có đánh chị D, nguyên nhân do anh H ghen tuông chị D có quan hệ với người đàn ông khác. Từ giữa tháng 02 năm 2017 đến nay chị D bỏ đi nơi khác ở, vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay chị D thấy cuộc sống chung vợ chồng không đạt mục đích, không có hạnh phúc, chị D không còn tình cảm với anh H nên chị D yêu cầu được ly hôn, yêu cầu chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng với anh H.

Về con chung: có 03 con là:

- Phạm Thúy H, sinh năm 1993 đã trưởng thành.
- Phạm Đình T, sinh năm 1997 đã trưởng thành
- Phạm Đình T, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay đang sống với anh H.

Chị D đồng ý để cho anh H nuôi con Phạm Đình T sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Theo các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Văn H trình bày:

Chị D và anh H tìm hiểu quen biết khoảng 01 năm thì quyết định chung sống vợ chồng từ năm 1993 nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi gây gỗ, anh H có đánh chị D, nguyên nhân do chị D có quan hệ với người đàn ông khác. Từ giữa tháng 02 năm 2017 đến nay, chị D bỏ đi nơi khác ở, vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay anh H cũng thấy cuộc sống chung vợ chồng không đạt mục đích, không có hạnh phúc, anh H không còn tình cảm với chị D nữa nên anh H đồng ý và yêu cầu được ly hôn, yêu cầu chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng với chị D.

Về con chung: có 03 con là:

- Phạm Thúy H, sinh năm 1995 đã trưởng thành.
- Phạm Đình T, sinh năm 1997 đã trưởng thành.
- Phạm Đình T, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay đang sống với anh H.

Anh H yêu cầu được nuôi con Phạm Đình T sau ly hôn, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Trình tự thủ tục giải quyết vụ án được tiến hành đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật khi tham gia tố tụng. Viện Kiểm sát thống nhất trình tự thủ tục mở phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung: chị D, anh H chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Nay chị D, anh H đều yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân này nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D với anh Phạm Văn H. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là giao cháu Phạm Đình T sinh ngày 24/10/2009 (hiện nay đang sống với anh H) cho anh H nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền đến thăm nom chăm sóc con mà không ai được ngăn cản. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Nợ chung: không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị D về việc Tranh chấp ly hôn với bị đơn Phạm Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết xét xử của Tòa án và Hội đồng xét xử theo quy định tại điều 28, Điều 35, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện quyết định, không bị lừa dối, ép buộc, chị D và anh H đã chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay có 03 con chung. Tuy nhiên, chị D và anh H không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm Điều 9

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ giữa Trần Thị D và anh Phạm Văn H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị D và anh H phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cự cãi, nguyên nhân do anh chị không tin tưởng tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt, hai người ly thân không chung sống từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Tình trạng quan hệ vợ chồng trầm trọng, không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị D và anh H đều không còn tình cảm với nhau và mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng và cuộc sống chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: chị D và anh H có 03 con là:

- Phạm Thúy H, sinh năm 1995 đã trưởng thành.
- Phạm Đình T, sinh năm 1997 đã trưởng thành.
- Phạm Đình T, sinh ngày 24/10/2009, hiện nay đang sống với anh H.

Anh H yêu cầu được nuôi con Phạm Đình T, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D cũng đồng ý giao cho anh H nuôi con Phạm Đình T sinh ngày 24/10/2009, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con Phạm Đình T. Xét thấy thỏa thuận này không trái pháp luật không ảnh hưởng đến quyền lợi mọi mặt của cháu Phạm Đình T, cháu Phạm Đình T đang sống ổn định với cha là anh Phạm Văn H và cũng có nguyện vọng được sống với cha là anh Phạm Văn H, nên Hội đồng xét xử công nhận và quyết định giao cho anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi cháu Phạm Đình T sinh ngày 24/10/2009, không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị D có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: chị D và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 26, 35, 91, 92, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều: 9, 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27, 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi con Phạm Đình T sinh ngày 24/10/2009, anh H không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị D được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 12082 ngày 30/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C được trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hưng